

# KẾT CẤU MÔN HỌC

1. Chương 1: Giới thiệu chung (Tuần 1& 2)
2. Chương 2: Cơ sở kinh tế của các hoạt động chính phủ (Tuần 3-5)
3. Chương 3: Chi tiêu công cộng (Tuần 6-9)
4. Chương 4: Thuế (Tuần 10 -12)
5. Chương 5: Lựa chọn công cộng (Tuần 13-15)

# Chương 2: Cơ sở kinh tế của các hoạt động CP

- 2.1. Hàng hóa công cộng

2.1.1. Hàng hóa công cộng

2.1.2. Hàng hóa công địa phương

- 2.2. Ngoại ứng

2.2.1. Nhận diện và phân loại ngoại ứng

2.2.2. Ngoại ứng và hiệu quả

2.2.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

- 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

2.3.2. Cạnh tranh không hoàn hảo và hiệu quả

2.3.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

- 2.4. Thông tin bất đối xứng

2.4.1. Nhận diện thông tin bất đối xứng

2.4.2. Thông tin bất đối xứng và hiệu quả

2.4.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

- 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

2.5.1. Khái niệm và thước đo

2.5.2. BBĐ/ĐN và hiệu quả

2.5.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ (hiệu ứng thu nhập/thay thế)

- 2.6. Chu kỳ kinh tế

2.6.1. Chu kỳ kinh tế và vai trò chính phủ

2.6.2. Giải pháp can thiệp của chính phủ

# Chương 2: Cơ sở kinh tế của các hoạt động CP

## CÁC THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG

- *Định nghĩa:*

- + Theo nghĩa hẹp: thất bại trong việc đạt được phân bổ hiệu quả Pareto.
- + Theo nghĩa rộng: thất bại trong việc đạt đến một sự phân bổ đáng mong muốn.
- 06 thất bại thị trường về phương diện hiệu quả: (i) hàng hóa công; (ii) ngoại ứng; (iii) độc quyền (cạnh tranh không hoàn hảo; (iv) thông tin không hoàn hảo; (v) Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo ; (vi) bất ổn vĩ mô.

## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.1. Hàng hóa công cộng

Định nghĩa: Hàng hóa công cộng hay dịch vụ công cộng là hàng hóa và dịch vụ mang hai tính chất: **không cạnh tranh** và **không thể loại trừ**. Đối lập với hàng hóa công cộng là hàng hóa tư nhân không mang hai tính chất trên.

VD một số hàng hóa công cộng quốc gia tiêu biểu là ngoại giao, quốc phòng, chính sách kinh tế, v.v

## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.1. Hàng hóa công cộng

Đặc điểm: HHCC thuần túy có 2 t/c về phương diện tiêu dùng:

1. *Phi cạnh tranh* (Non-rival) Một cá nhân sử dụng không làm suy giảm khả năng sử dụng HH ấy đối với người khác;
2. *Phi loại trừ* (Non-excludable) Người sở hữu hàng hóa không ngăn được người khác sử dụng nó.

=> Hệ quả: Phát sinh tình trạng ăn theo (free rider), chi phí giao dịch quá lớn, không thể thu hồi chi phí sx.

⇒ Hệ quả: Tư nhân không thể, không muốn và không hiệu quả khi sản xuất HHCC



## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.1. Hàng hóa công cộng

Do tính chất phi loại trừ của HHCC, cá nhân nhận thấy việc mình có trả tiền để được quyền hưởng HHCC thuần túy hay không không ảnh hưởng tới việc hưởng thụ lợi ích HHCC.

→ **Kẻ ăn không (free-rider)** là những người tìm cách hưởng thụ lợi ích của HHCC mà không đóng góp một đồng nào cho chi phí sản xuất và cung cấp HHCC đó.

→ Chính phủ yêu cầu cá nhân đóng góp bắt buộc (thông qua đóng thuế)

## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.1. Hàng hóa công cộng

Tư nhân cung cấp HHCC (tư nhân hoá) và hệ quả (VD: Hộp 2.5 trg 139, SGK KTCC, Trg ĐHKQTGD)

Ưu điểm	Nhược điểm
Giảm gánh nặng cho Ngân sách Nhà nước	Chi phí cao (khó tiếp cận đối với nhiều người)
Tạo nguồn thu nhập thêm cho các bệnh viện	Tình trạng yêu cầu quá nhiều xét nghiệm và kê đơn thuốc không cần thiết
Cung cấp (mở rộng) các dịch vụ/lựa chọn cho bệnh nhân. Nâng cao cơ sở hạ tầng.	
Tạo sự cạnh tranh giữa các bệnh viện, nâng cao chất lượng phục vụ	

## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.1. Hàng hóa công cộng

Một số HHCC có đầy đủ 2 t/c trên như quốc phòng, ngoại giao, đèn biển... Các hàng hóa đó có chi phí biên để phục vụ thêm một người sử dụng bằng 0

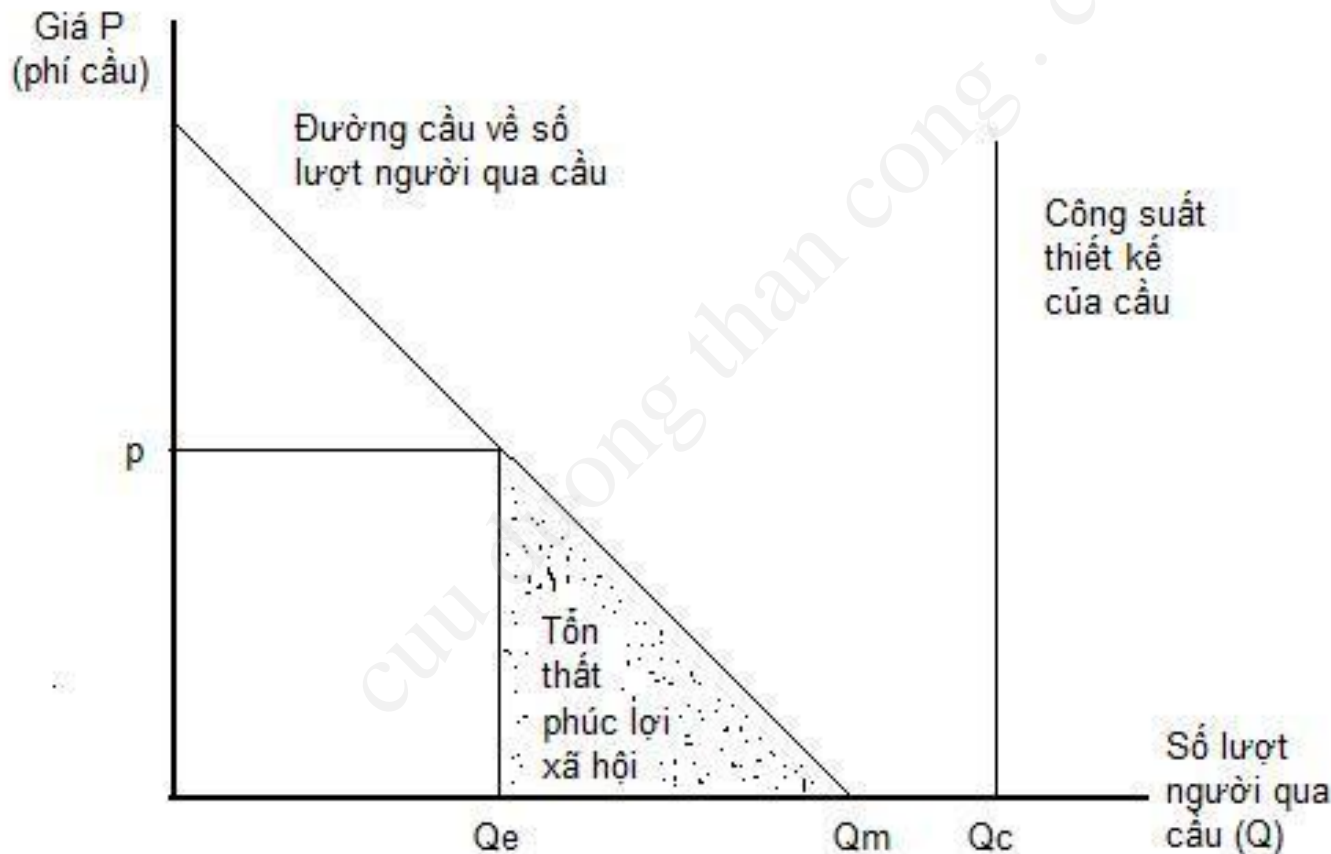
Nhiều HHCC không đáp ứng một cách chặt chẽ 2 t/c đó: đường giao thông, nếu có quá đông người sử dụng thì đường sẽ bị tắc nghẽn, những người tiêu dùng trước đã làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu dùng của những người tiêu dùng sau => HHCC có thể tắc nghẽn.

Một số HHCC mà lợi ích của nó có thể định giá thì gọi là HHCC có thể loại trừ bằng giá. VD: đường cao tốc, cầu...có thể đặt các trạm thu phí để hạn chế bớt số lượng người sử dụng nhằm tránh tắc nghẽn.

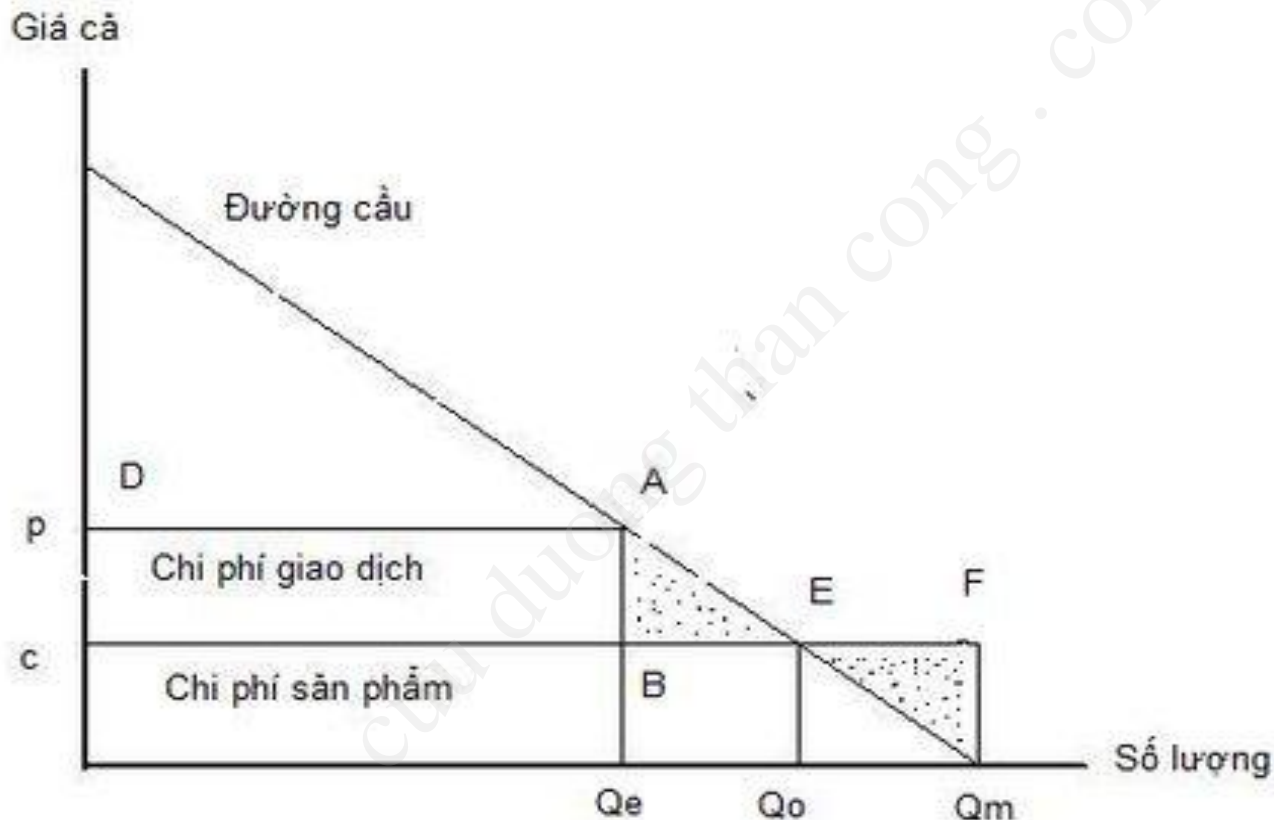


# Tổn thất PLXH khi thu phí HHCC

(Tổn thất do sử dụng dưới mức thiết kế)



# Hàng hóa công cộng có chi phí giao dịch lớn



So sánh TTXH trong 2 trường hợp (Thu phí và không thu phí)

# Bài tập

- Đường cầu lưu lượng giao thông của một tuyến đường ct khi bình thường là:  $Q_{bt} = 60.000 - 2P$ ; trong lúc cao điểm là:  $Q_{cd} = 120.000 - 2P$ . ( $Q$  là số lượt đi lại trong ngày và  $P$  là mức phí giao thông – VND). Con đường tắc nghẽn khi  $Q$  vượt quá 60.000 lượt. Khi tắc nghẽn, chi phí biên của việc sử dụng con đường tăng theo hàm số:  $MC = Q$ , trong đó  $MC$  là chi phí biên cho thêm một lượt xe đi lại tính bằng VND,  $Q$  là số lượt xe vượt qua điểm tắc nghẽn.
1. Ngày bình thường có nên thu phí giao thông không? Vì sao?
  2. Ngày cao điểm có nên thu phí giao thông không? Nếu có thì mức thu tối ưu là bao nhiêu?
  3. Nếu không thu thì tổn thất phúc lợi ròng trong ngày cao điểm là bao nhiêu?
  4. Tính tổn thất phúc lợi nếu thu phí ở mức 25.000đ/lượt xe? Trong trường hợp này, có nên thu phí hay không?
  5. Không tính toán, ước lượng phúc lợi xã hội khi thu ở mức phí 25.000đ/lượt xe là tăng hay giảm so với việc thu phí ở mức tối ưu? (Gợi ý: Vẽ hình minh họa)

## 2.1. Hàng hóa công cộng

- 2.1.2. Hàng hóa công địa phương

Hàng hóa công cộng địa phương: do chính quyền địa phương cung cấp chủ yếu cho công dân địa phương. Hàng hóa công cộng địa phương thường chỉ mang một trong hai tính chất nói trên hoặc mang cả hai tính chất nhưng ở mức độ không cao.

Một số hàng hóa công cộng địa phương tiêu biểu là giáo dục phổ cập, y tế cộng đồng, vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch.

## 2.2. Ngoại ứng

### • 2.2.1. Nhận diện và phân loại ngoại ứng

Định nghĩa: Khi hành động của một đối tượng (có thể là cá nhân hoặc hãng) có ảnh hưởng trực tiếp đến phúc lợi của một đối tượng khác, nhưng những ảnh hưởng đó lại không được phản ánh trong giá cả thị trường thì ảnh hưởng đó được gọi là các **ngoại ứng**.

Tác động “trực tiếp”: *không bị dẫn dắt bởi giá cả.*

*Ví dụ* : hoạt động sản xuất gây ô nhiễm mà người bị ô nhiễm không được đền bù theo những thỏa thuận tự nguyện.

Ngoại ứng *tiêu cực* và ngoại ứng *tích cực*

+ Tiêu cực: Chi phí XH của việc sx hh > Chi phí tư nhân của NSX hh.

+ Tích cực: Lợi ích xã hội của việc tiêu dùng hàng hóa > lợi ích tư nhân của người mua hàng hóa



## 2.2. Ngoại ứng

- 2.2.1. Nhận diện và phân loại ngoại ứng

Ngoại ứng *tiêu cực* và ngoại ứng *tích cực* đều có đặc điểm:

- Chúng có thể do hoạt động sản xuất hoặc tiêu dùng gây ra
- Trong ngoại ứng, việc ai là người gây ra tác hại (hay lợi ích) cho ai nhiều khi chỉ mang tính tương đối
- Sự phân biệt giữa tính chất tiêu cực và tích cực của ngoại ứng chỉ là tương đối
- Tất cả các ngoại ứng đều phi hiệu quả, nếu xét dưới quan điểm xã hội

## 2.2. Ngoại ứng

### • 2.2.1. Nhận diện và phân loại ngoại ứng

Mỗi nhóm cho một ví dụ

Ngoại ứng tích cực	Ngoại ứng tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"><li>• Trong sản xuất: người nuôi ong và người trồng cây ăn quả</li><li>• Trong tiêu dùng: tiêm phòng vacxin</li><li>• Bán hoa ngày Tết: đem lại không khí Tết, làm đẹp cho cảnh quan</li><li>• Biển quảng cáo: làm đẹp?!</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Trong sản xuất: Các hoạt động làm ô nhiễm môi trường</li><li>• Trong tiêu dùng: hút thuốc lá, đi xe oto</li><li>• Bán hoa ngày Tết: gây tắc nghẽn GT, ảnh hưởng MT</li><li>• Biển quảng cáo: ô nhiễm ánh sáng</li></ul>

## 2.2. Ngoại ứng

- 2.2.1. Nhận diện và phân loại ngoại ứng

Nói chung thì bất cứ hoạt động nào của chúng ta đều có chi phí ngoại ứng và lợi ích ngoại ứng, dù ít hay nhiều. Nhưng thường thì chúng ta bỏ qua không tính tới, theo một cách nào đó thì các khoản lợi ích và chi phí ngoại ứng bù trừ cho nhau tiến tới cân bằng.

Riêng đối với hoạt động sản xuất thì do chi phí ngoại ứng thường là nhiều và nhanh nên khó có thể bỏ qua.

=> Giải pháp với ngoại ứng

## 2.2. Ngoại ứng

- 2.2.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ: Hiệu chỉnh ngoại ứng

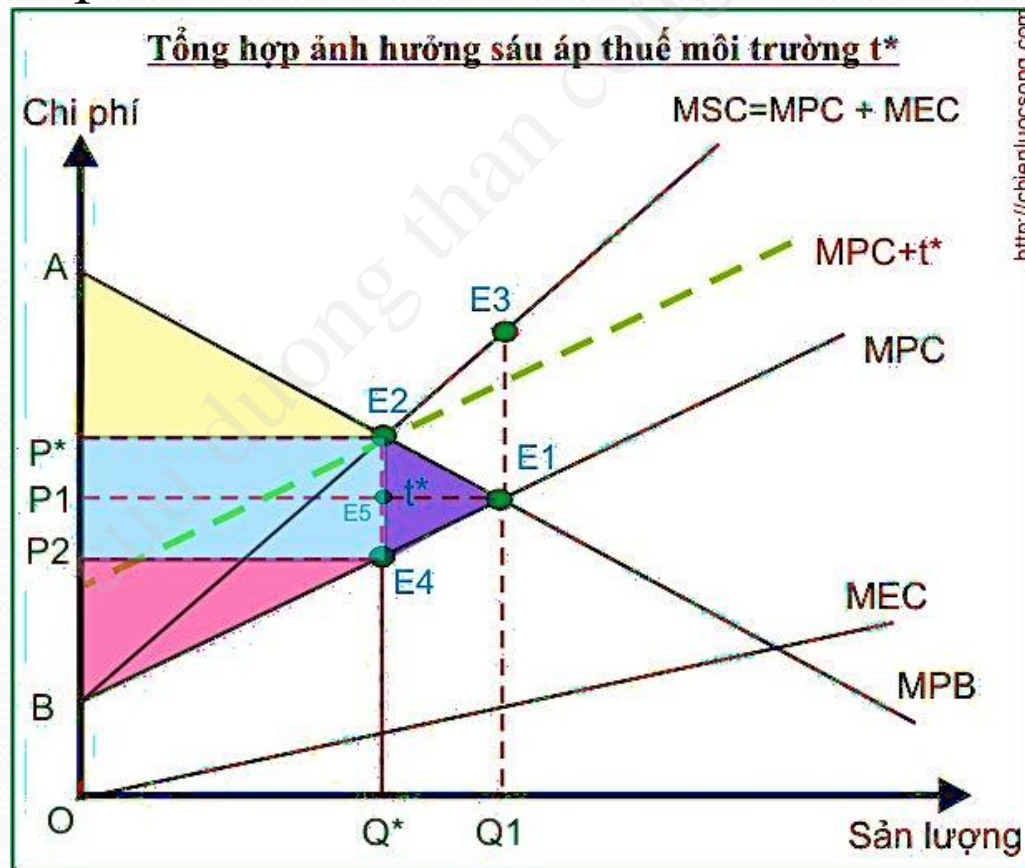
Ngoại ứng tiêu cực: tổn thất hiệu quả do  $Q_t > Q^*$

Can thiệp để đưa  $Q_t \Rightarrow Q^*$ .

- + Thuế Pigou. Thực chất: áp đặt một khoản chi phí lên những người gây ra ngoại ứng để thay đổi hành vi của họ.
- + Trợ cấp: Trợ cấp để người gây ngoại ứng cắt giảm sản lượng cũng có tiềm năng cải thiện hiệu quả. Vấn đề: phản ứng chính sách và khía cạnh công bằng
- + Nội bộ hóa: biến tác động tràn ra bên ngoài thành tác động bên trong tổ chức
- + Xác định rõ quyền sở hữu tài sản/ hay quyền của các cá nhân
- + Thiết lập thị trường: hệ thống mua bán giấy phép ô nhiễm

## 2.2. Ngoại ứng

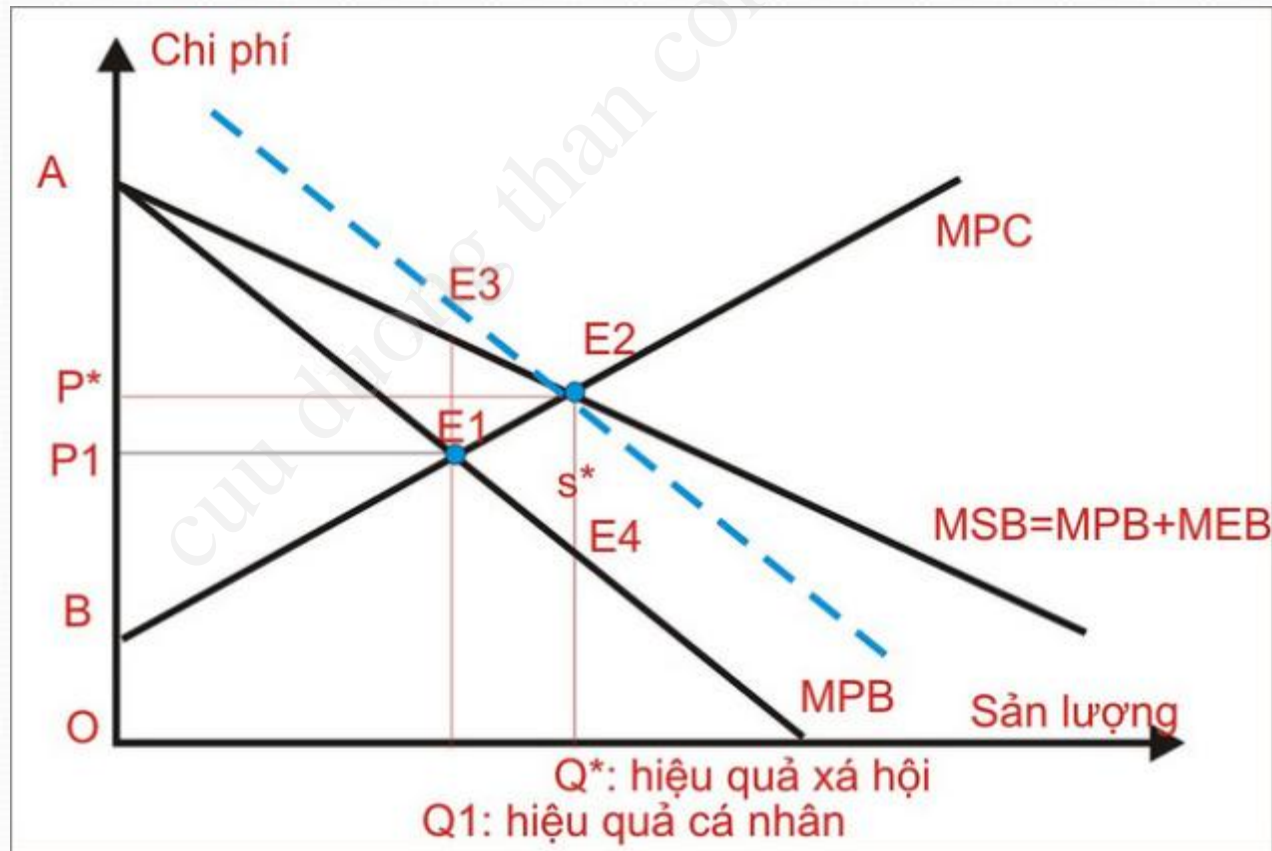
- 2.2.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ: Hiệu chỉnh ngoại ứng  
Ngoại ứng tiêu cực: đánh thuế  $t^*$  để giảm sản lượng từ  $Q_1$  xuống  $Q^*$   
 $\Rightarrow$  để giảm chi phí XH





## 2.2. Ngoại ứng

- 2.2.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ: Hiệu chỉnh ngoại ứng  
Ngoại ứng tích cực: tăng từ  $Q_1$  lên  $Q^*$  để tối đa hóa lợi ích xã hội (MSB)



## 2.2. Ngoại ứng

### Bài tập 2:

- Một nhà máy có hàm cầu về SP A như sau:  $P=40-0.08Q$ , chi phí cận biên để sx ra 1 đơn vị sp là  $MC=16+0.04Q$  và chi phí ngoại ứng biên  $MEC=8+0.04Q$ . Trong đó  $P$  là giá sp 1.000đ/sp;  $Q$  là 1000 sp.
  - a) Xác định sản lượng tối ưu thị trường, doanh thu của DN là bao nhiêu?
  - b) Mức sản lượng mà XH mong muốn là bao nhiêu?
  - c) Tổn thất PLXH khi sản xuất theo sản lượng thị trường gây ra là bao nhiêu?
  - d) CP sẽ làm gì để hạn chế tình trạng này? Nếu theo cách của anh (chị), CP phải bỏ ra hoặc thu về bao nhiêu tiền?
  - e) Doanh thu của DN tăng hay giảm? Vì sao?

## 2.2. Ngoại ứng

*a. Xác định sản lượng tối ưu thị trường, doanh thu của DN là bao nhiêu?*

Sản lượng tối ưu thị trường:  $Q^*=200$  (nghìn sp)

$P^*=24$  (nghìn đồng)

Dthu của DN:  $TR=200*24=4800$  (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng)

*b. Mức sản lượng mà XH mong muốn là bao nhiêu?*

$MSB=MSC$

$MSC= MPC + MEC= 24+0.08Q$

⇒  $P'=32$  (Nghìn đồng)

⇒  $Q'=100$  (nghìn sp)

## 2.2. Ngoại ứng

*c. Tổng thất PLXH do trường hợp này gây ra là bao nhiêu?*

Tổng thất PLXH:  $100 \cdot (40 - 24) / 2 = 800$  (Tám trăm triệu đồng)

*d. CP sẽ làm gì để hạn chế tình trạng này? Nếu theo cách của anh (chị), CP phải bỏ ra hoặc thu về bao nhiêu tiền?*

Thuế mà CP thu để giảm tình trạng ngoại ứng tiêu cực:  $t^* = 32 - 20 = 12$

Tổng thuế mà CP thu được:  $12 \cdot 100 = 1200$  (Một tỷ hai trăm triệu đồng)

*e. Doanh thu của DN tăng hay giảm? Vì sao?*

Doanh thu của DN khi có thuế =  $32 \cdot 100 - 1200 = 2000$  (Hai tỷ đồng)

$\Rightarrow$  DT của DN giảm so với trước khi có thuế:  $4800 - 2000 = 2800$  (Hai tỷ tám trăm triệu đồng)

## 2.2. Ngoại ứng

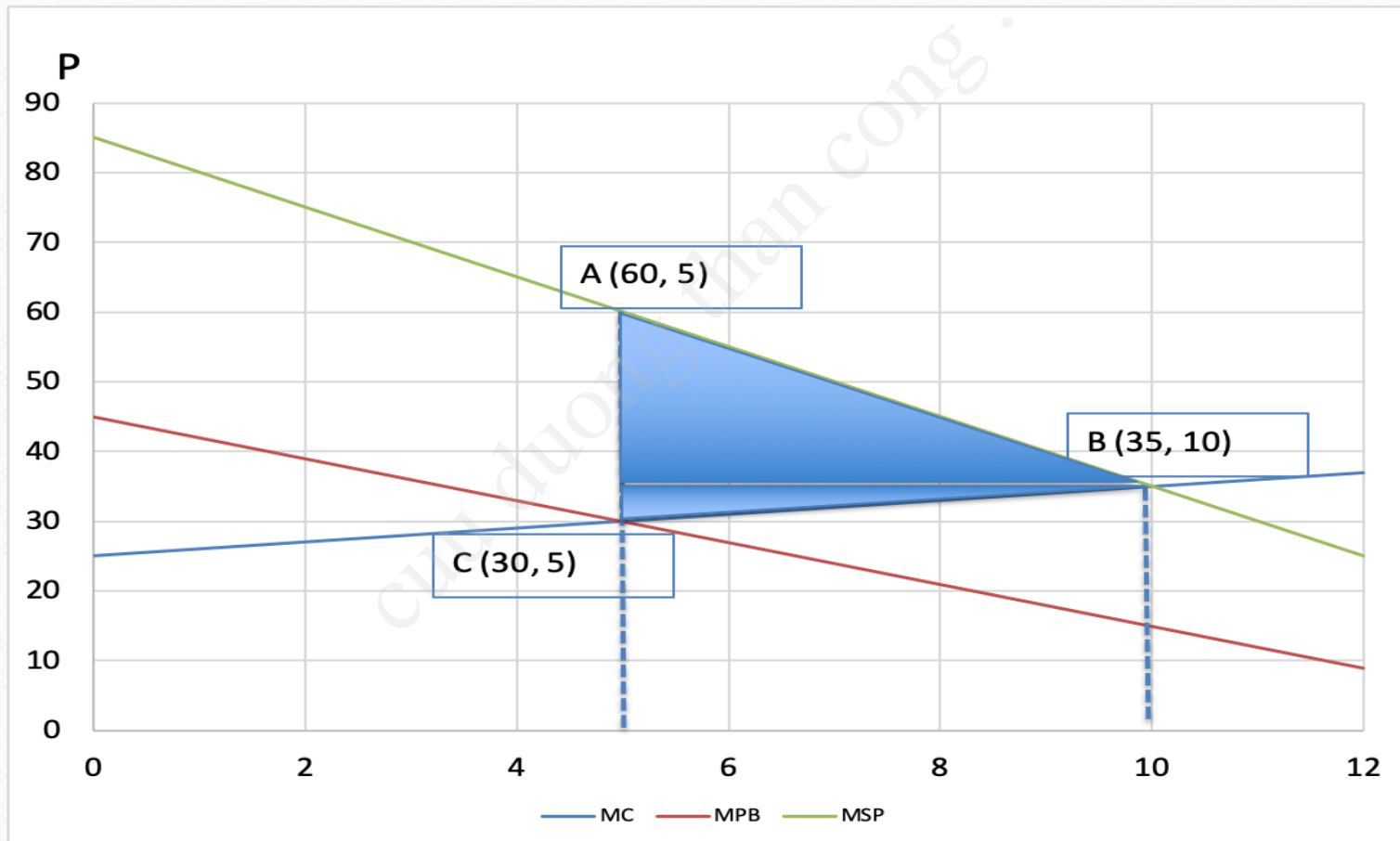
### Bài tập 3:

- Hoạt động trồng rừng của 1 lâm trường có hàm chi phí cận biên  $MC=25+Q$ , hàm lợi ích cận biên cá nhân là  $MPB=45-3Q$ . Hoạt động trồng rừng mang lại lợi ích cho XH và người ra xác định được hàm lợi ích cận biên  $MSB=85-5Q$ . (Q là diện tích rừng tính bằng ha, P là mức giá tính bằng 1.000USD/ha)
  - a) Biểu diễn bài toán bằng đồ thị.
  - b) Xác định diện tích và giá trồng rừng tối ưu cá nhân và tối ưu XH.
  - c) Xác định tổng thất PLXH do trồng rừng dưới mức tối ưu XH.
  - d) Nếu muốn lâm trường trồng ở mức tối ưu XH thì chính phủ cần phải làm gì? CP phải bỏ ra hoặc thu về bao nhiêu để giải quyết vấn đề này?



## 2.2. Ngoại ứng

### Bài tập 3: bài giải



## 2.2. Ngoại ứng

### Bài tập 3: bài giải

Lâm trường sẽ sản xuất ở mức  $MC=MPB$

- $25+Q=45-3Q$
- $Q= 5$  (ha)
- $P =30$  (Nghìn USD/ha)

Mức tối ưu xã hội là tại  $MC=MSB$

- $25+Q=85-5Q$
- $Q= 10$  (ha)
- $P =35$  (Nghìn USD/ha)

## 2.2. Ngoại ứng

### Bài tập 3: bài giải

Xác định tổng thất PLXH do trồng rừng dưới mức tối ưu XH

- $DWL = S_{\Delta ABC} = (60 - 30) * (10 - 5) / 2 = 75$  (Nghìn đôla)

Nếu muốn lâm trường trồng ở mức tối ưu XH thì chính phủ cần trợ cấp để lâm nghiệp trồng rừng ở mức  $Q=10$  ha

Mức độ trợ cấp:

- $t = P_{MC} - P_{MPB} = 30 - 15 = 20$  (nghìn đô/ha)
- Tổng số tiền trợ cấp của chính phủ:
- $T = 20 * 10 = 200$  (nghìn đô)

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

**Độc quyền thường** là *trạng thái thị trường chỉ có duy nhất một người sản xuất và bán ra sản phẩm không có hàng hoá nào thay thế gần gũi.*

Nguyên nhân (5 yếu tố):

- Kết quả của quá trình cạnh tranh: doanh nghiệp hiệu quả hơn thôn tính, chiếm lĩnh thị trường
- Do chính phủ nhượng quyền khai thác thị trường: điện, bưu chính, xăng dầu, hàng không...

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### • 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

Nguyên nhân (tiếp):

- Do chế độ bản quyền đối với phát minh, sáng chế và sở hữu trí tuệ: dược phẩm...

VD: Các thuốc phát minh (innovator drug, patent - protected drug) là những thuốc mới được sản xuất theo bằng phát minh. Giá cả các thuốc phát minh thường rất đắt đỏ trong giá thành bao gồm cả chi phí nghiên cứu phát minh, thử nghiệm tiền lâm sàng, lâm sàng, độ an toàn... và kể cả chi phí thâm nhập thị trường (hàng trăm triệu USD cho một dược phẩm mới). Yếu tố độc quyền là yếu tố quyết định làm cho giá thuốc phát minh rất đắt. Thuốc phát minh là trường hợp điển hình chứng minh cho "hiện tượng giá cả tách rời khỏi giá trị sử dụng" của hàng hóa mà nhiều nhà kinh tế đã nhắc đến trong chính trị kinh tế học

- Do sở hữu một nguồn lực đặc biệt: nguồn tài nguyên thiên nhiên như dầu mỏ, kim cương, vàng...
- Do khả năng giảm giá thành khi mở rộng sản xuất



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

Các biện pháp can thiệp của chính phủ đối với độc quyền thường:

1. Ban hành luật phát và chính sách chống độc quyền (Luật cạnh tranh số 27/2004/QH11)
2. Sở hữu nhà nước
3. Kiểm soát giá cả
4. Đánh thuế

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

**Độc quyền tự nhiên** là tình trạng trong đó các yếu tố hàm chứa trong quá trình sản xuất đã cho phép hãng có thể liên tục giảm chi phí sản xuất khi quy mô sản xuất mở rộng, do đó đã dẫn đến cách tổ chức sản xuất hiệu quả nhất là chỉ thông qua một hãng duy nhất.

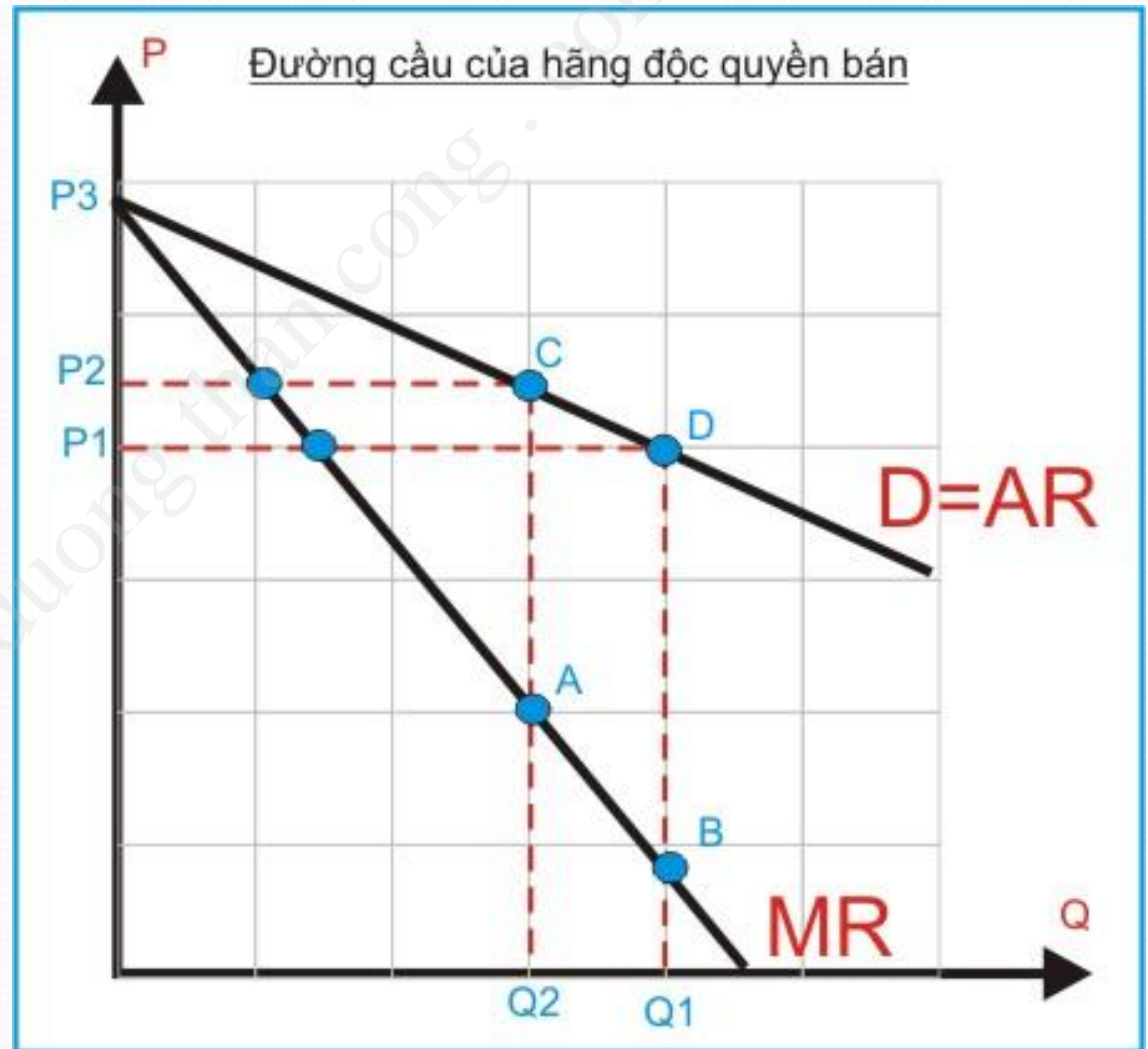
*VD: Cung cấp điện, nước*

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

D: Đường cầu của hãng độc quyền bán

AR: Doanh thu trung bình  
(Bằng tổng  $DT/Q$ )

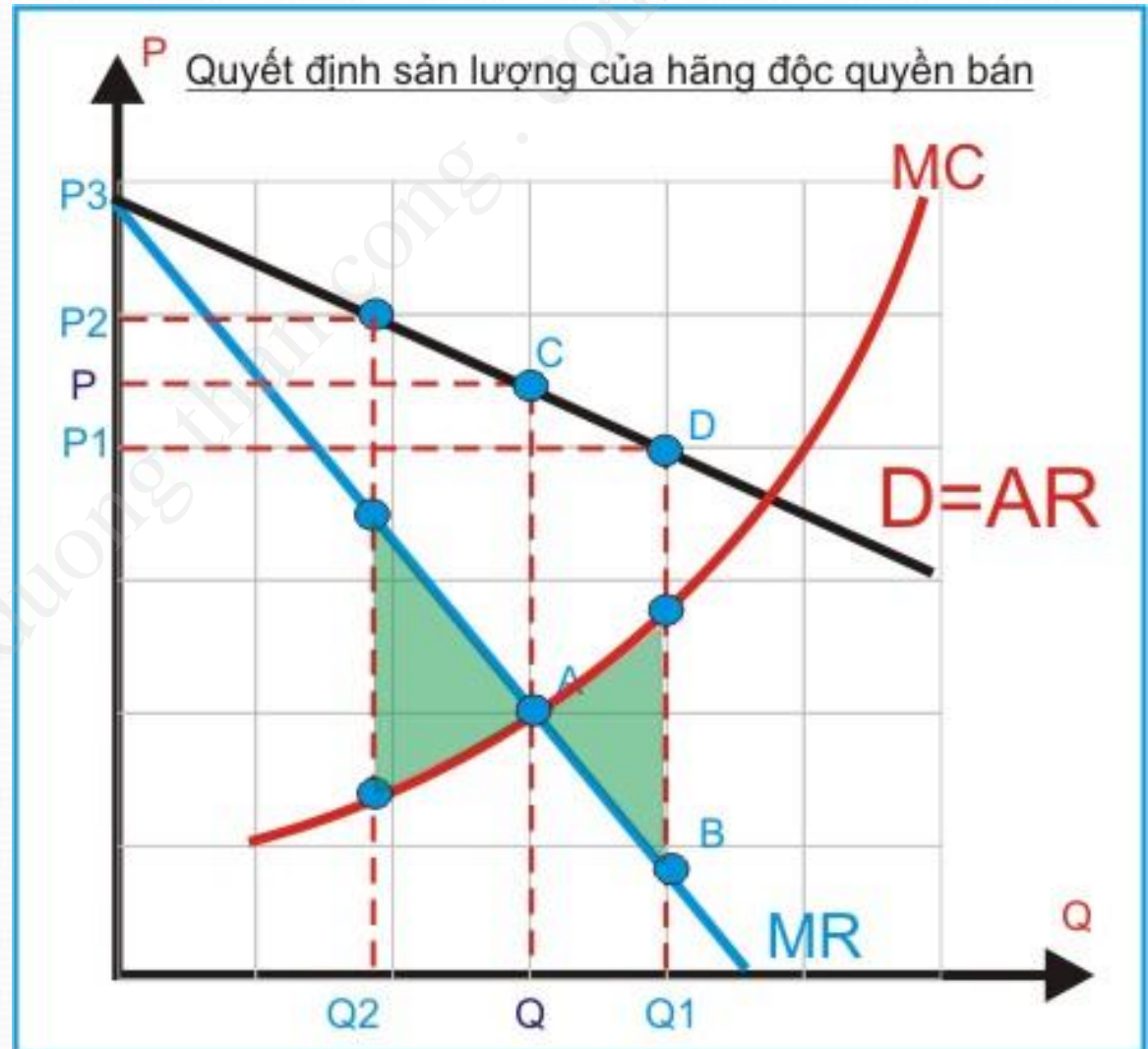
MR: Doanh thu cận biên



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

Tối đa hóa lợi:

$$MC = MR$$



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

Lựa chọn sl để tối đa hóa  $\pi$  của nhà độc quyền:

$$MC = MR$$

Trên thị trường độc quyền:  $MR < P$

Hệ quả: tại sl lựa chọn,  $MC < P \Rightarrow$  Vi phạm điều kiện hiệu quả

Pareto  $\Rightarrow Q_m < Q^*$

 Tồn thất hiệu quả (DWL)

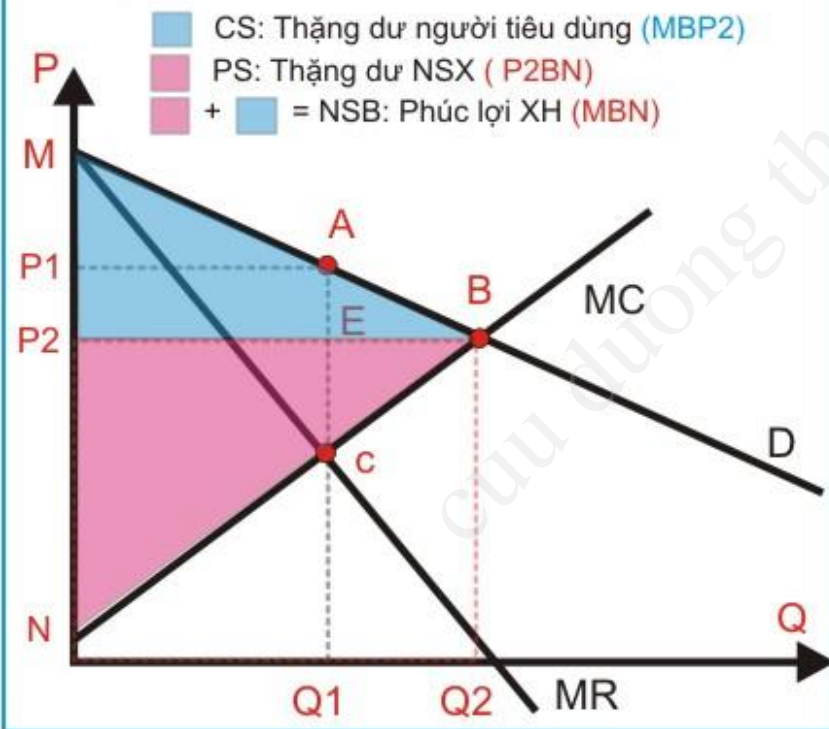


## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

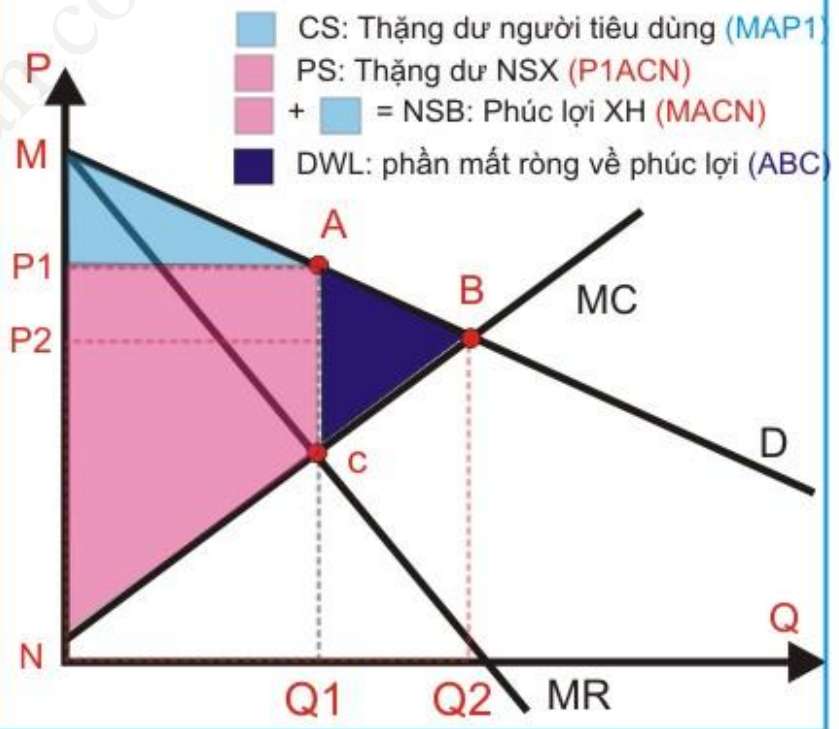
### • 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

Đo lường tổn thất hiệu quả.

Thị trường cạnh tranh hoàn hảo



Thị trường độc quyền bán



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### • 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

**Hệ quả của kiểm soát giá theo giá thị trường cạnh tranh hoàn hảo**

**TH1:  $P_c = MC$**

Đường cung: TAE (Gấp khúc ở A)

MR là 2 đoạn: TA và SF do

+ Khi  $0 < q \leq q_c$ , đường tổng

doanh thu AR chính là đường MR

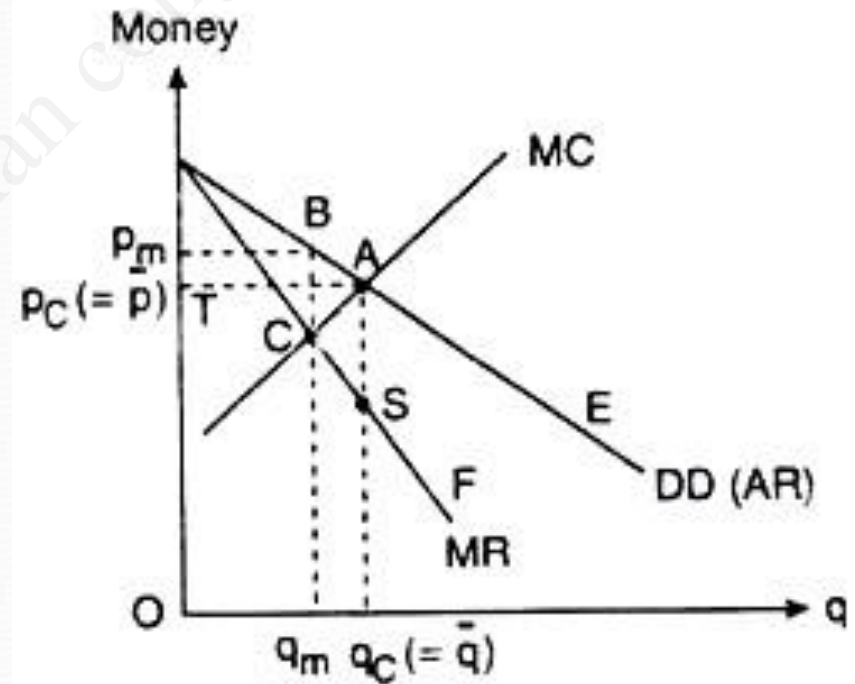
+ Khi  $q > q_c$ , MR là đường MR cũ

=> Lựa chọn của nhà độc quyền

MR = MC tại điểm A (cũng

chính là điểm tối ưu của thị trường  
cạnh tranh

=>  $DWL = 0$



**Fig. 12.13** Effects of price controls  
in monopoly

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### • 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

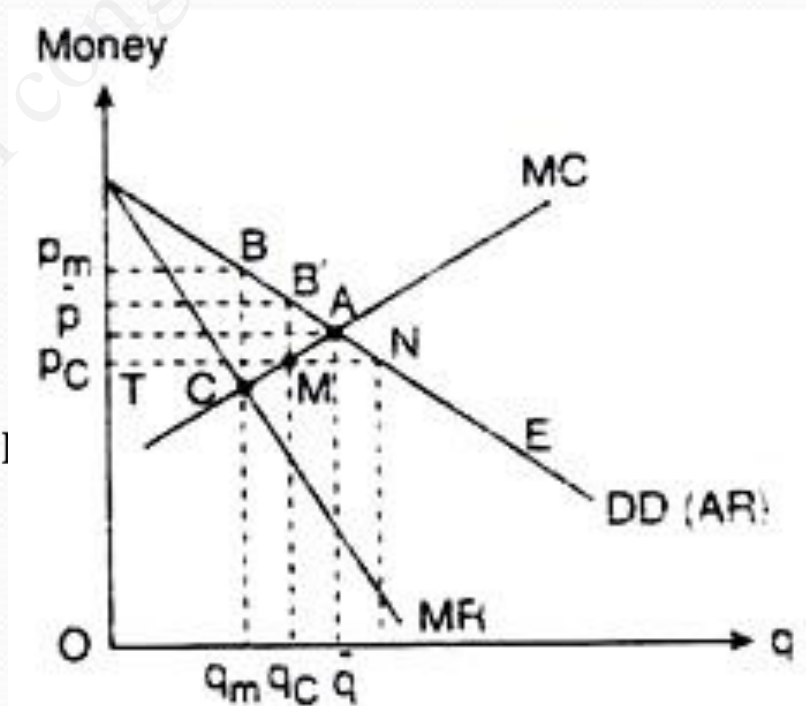
**Hệ quả của kiểm soát giá theo giá thị trường cạnh tranh hoàn hảo**

**TH2:  $p_m < p_c \leq \bar{p}$**

- AR trở thành TNE.
- $MR=MC$  tại điểm M
- DWL giảm từ  $S_{ABC}$  xuống  $S_{AB'}$
- Xuất hiện thừa cầu hoặc

thiếu cung do

**Cầu =  $TN > Cung = TM$**



**Fig. 12.14** Effects of price controls in monopoly

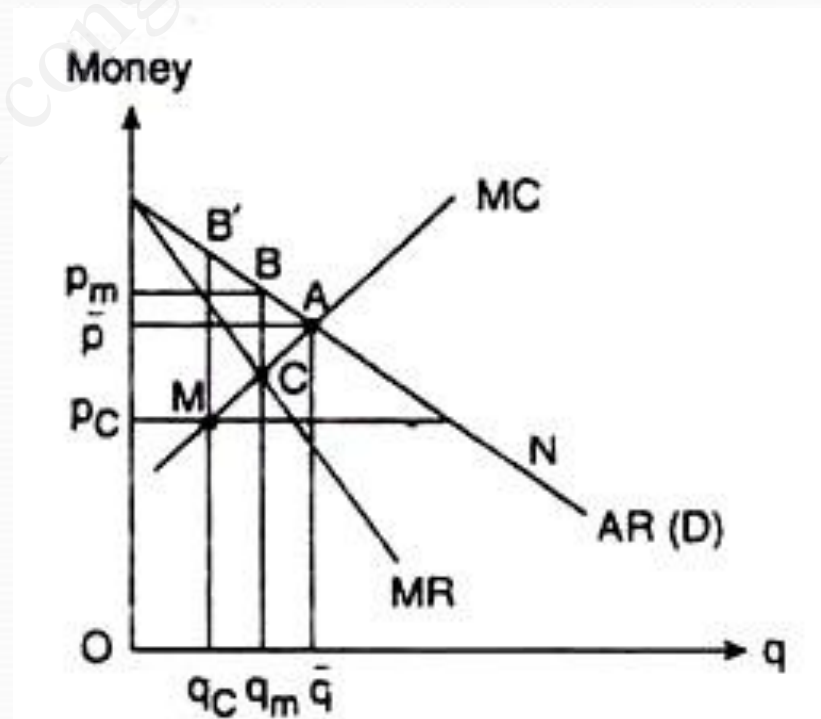
## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### • 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

**Hệ quả của kiểm soát giá theo giá thị trường cạnh tranh hoàn hảo**

**TH3:  $P_c < P_m$**

- Điểm cân bằng  $MR = MC$  tại M
- DWL tăng từ  $S_{ABC}$  lên  $S_{AB'M}$
- Tình trạng thừa cầu hoặc thiếu cung tăng lên hơn cả khi hơn cả trước khi có biện pháp kiểm soát giá.



**Fig. 12.15** Effects of price controls in monopoly

Nguồn: <http://www.economicdiscussion.net/monopoly/price-controls-in-a-competitive-industry-and-monopoly-markets/23999>



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

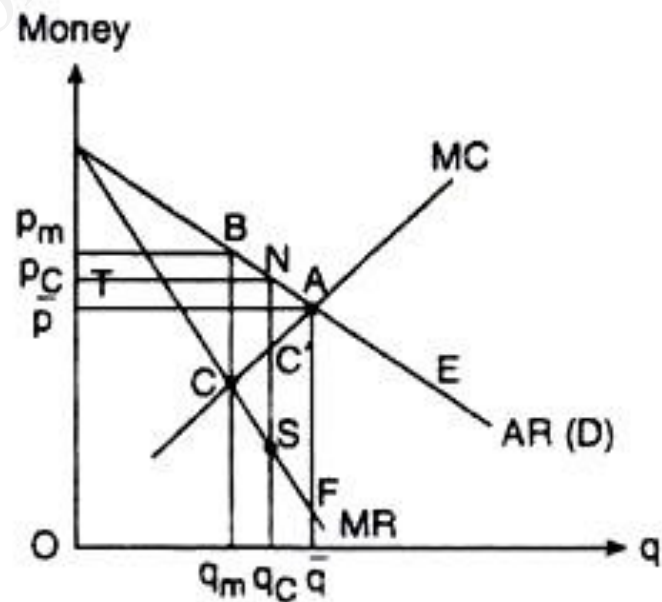
#### Hệ quả của kiểm soát giá theo giá thị trường cạnh tranh hoàn hảo

**TH4:  $\bar{p} < p_c$**

- Đường cung: TAE (Gấp khúc ở A)
- MR là 2 đoạn: TA và SF
- Điểm cân bằng  $MR = MC$  không tồn tại, buộc phải sản xuất và bán ở mức giá tại điểm N ( $p_c, q_c$ )

$$MR = AR = p_c > MC$$

- DWL giảm từ  $S_{ABC}$  xuống  $S_{ANC'}$
- Không có thừa cầu hoặc thiếu cung



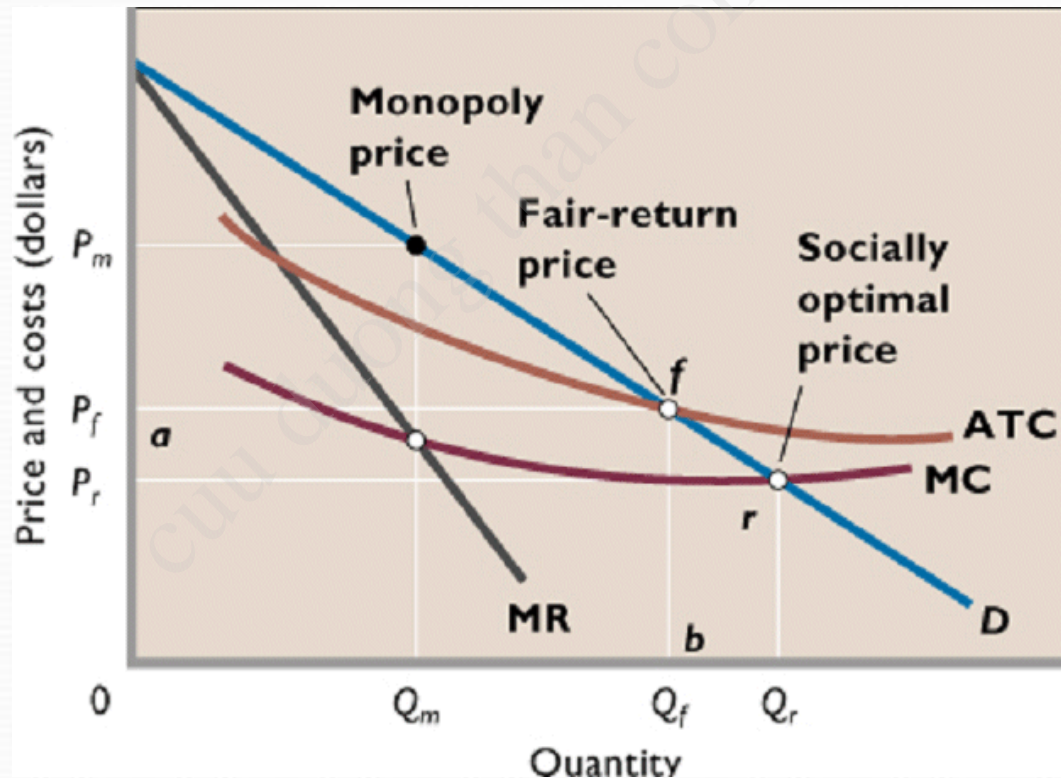
**Fig. 12.16** Effects of price controls in monopoly



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.1. Nhận diện cạnh tranh không hoàn hảo

**Hệ quả của kiểm soát giá  $P = MC$  và  $P = ATC$  (Chi phí TB)**



# Bài tập 3:

- Nhà độc quyền có đường cầu là  $P = 15 - 5Q$  trong đó  $P$  là giá sản phẩm (USD/sp),  $Q$  là 1000 sản phẩm.
- Hãng có Doanh thu biên:  $MR = 15 - 10Q$ . Chi phí biên:  $MC = 5Q + 3$ 
  - a) Doanh nghiệp sẽ sản xuất ở mức sản lượng nào và bán ở mức giá bao nhiêu?
  - b) Sản lượng mà XH mong muốn là bao nhiêu?
  - c) Hiện tượng trên có gây ra tổn thất PLXH không? Nếu có thì TT này là bao nhiêu?
  - d) Chính phủ sẽ làm gì để hạn chế hiện tượng này?

# Bài tập 3:

- a) Doanh nghiệp sẽ sản xuất ở mức sản lượng nào và bán ở mức giá bao nhiêu?

$$Q_1 = 0.8 \text{ (800 sản phẩm)}$$

$$P = 11$$

- b) Sản lượng mà XH mong muốn là bao nhiêu?

$$Q_2 = 1.2 \text{ (P=7)}$$

- c) Hiện tượng trên có gây ra tổn thất PLXH không? Nếu có thì TT này là bao nhiêu?

$$DWL = (11 - 7) * (1.2 - 0.8) / 2 = 0.8 \text{ (800 đôla)}$$

- d) Chính phủ sẽ làm gì để hạn chế hiện tượng này?

Đặt mức giá trần  $P = MC$

# Bài tập 3:

- Một nhà độc quyền có đường cầu là  $Q=30 - 2.5P$  và chi phí biên là  $Mc= 1.2Q + 4$ . Trong đó  $Q$  tính bằng triệu sp,  $P$  tính bằng \$/sp.
  - a. Xác định mức slg và mức giá, doanh thu doanh nghiệp trong TH cạnh tranh hoàn hảo
  - b. Tổn thất PLXH là bao nhiêu khi độc quyền xảy ra.
  - c. Theo anh (chị), CP cần làm gì để hạn chế độc quyền?

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.2. Cạnh tranh không hoàn hảo và hiệu quả

*Thị trường không hoàn thiện (Incomplete market):* các giao dịch không diễn ra được ngay cả khi mức giá mà NTD sẵn sàng trả cao hơn chi phí để sản xuất hàng hóa. Hai lý do => TT không hoàn thiện: *chi phí giao dịch lớn & tính không đồng bộ* trong việc xh của các thị trường.

- ✓ Chi phí giao dịch: chi phí *phát sinh trực tiếp từ hình thái mua bán* hàng hóa như cách đưa sản phẩm từ NSX đến NTD.

Chi phí Gdịch cao: Chi phí SX + Chi phí GD > Ptd => ngăn cản giao dịch

- ✓ Thiếu thị trường hỗ trợ, một loại thị trường có thể không xuất hiện.



## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

### • 2.3.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

Độc quyền tự nhiên:

+ Thiết lập độc quyền nhà nước thay thế độc quyền tư nhân => trên thực tế không hiệu quả => không thể duy trì được hiệu quả nếu thiếu vắng cơ chế cạnh tranh.

+ Kiểm soát giá:

- Kiểm soát giá trên cơ sở MC

$P = MC \Rightarrow Q = Q^*$ . Vấn đề: Nhà độc quyền có khả năng bị thua lỗ => NN phải trợ cấp cho doanh nghiệp

- Kiểm soát giá trên cơ sở AC: Q sau khi kiểm soát có khả năng cao hơn  $Q_m$  ban đầu, song vẫn thấp hơn  $Q^*$  => cải thiện hiệu quả chứ không đạt được hiệu quả Pareto. NN không phải trợ cấp

Vấn đề chung của KS giá: vấn đề thông tin

## 2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

- 2.3.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

Thị trường độc quyền nhóm: chống sự cấu kết, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Thị trường cạnh tranh có tính chất độc quyền: quyền lực thị trường của DN không đáng kể, tổn thất hiệu quả không lớn, trong khi sự đa dạng hóa sản phẩm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của NTD => NN không điều tiết.

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

- 2.4.1. Nhận diện thông tin bất đối xứng

*Thông tin hoàn hảo*: những NSX & NTD có thông tin thị trường đầy đủ (giá cả, chất lượng hàng hóa, điều kiện giao dịch...). Thông tin hoàn hảo là 1 *điều kiện* để TTCTHH tồn tại.

*Thiếu thông tin*: NSX,NTD không ra được quyết định hiệu quả  
=> Thị trường hoạt động *không hiệu quả*.

Thông tin là một dạng HHCC => thiếu thông tin có thể phân tích như một dạng thất bại của HHCC

Trường hợp đặc biệt: *Thông tin bất cân xứng* – người mua hoặc bán có ít thông tin về hàng hóa, thị trường hơn đối tác.

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

- 2.4.1. Nhận diện thông tin bất đối xứng

*Thông tin bất cân xứng* – hay tình trạng xuất hiện trên thị trường khi một bên nào đó tham gia giao dịch thị trường có được thông tin đầy đủ hơn bên kia về các đặc tính của sản phẩm

VD: Thị trường rau sạch (trang 133, sách KTCC ĐHKQTĐ)

Thị trường bảo hiểm

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

### • 2.4.1. Nhận diện thông tin bất đối xứng

Những yếu tố ảnh hưởng tới mức độ nghiêm trọng của TTBDX:

#### ➤ Chi phí thẩm định hàng hoá

- Hàng hoá có thể thẩm định trước (bản ghế, xe máy...)
- Hàng hoá chỉ có thể thẩm định khi dùng (dịch vụ hàng không, nhà hàng, khách sạn...)
- Hàng hoá không thể thẩm định (thuốc, thực phẩm chức năng...)



## 2.4. Thông tin bất đối xứng

### • 2.4.1. Nhận diện thông tin bất đối xứng

Những yếu tố ảnh hưởng tới mức độ nghiêm trọng của TTBDX:

- Mức độ đồng nhất giữa giá cả và chất lượng (hàng điện tử): với chất lượng cho trước, mức giá giao động ít hay nhiều (ngược lại, với mức giá như nhau, chất lượng có sự khác biệt lớn hay không?). Nếu sự biến thiên mạnh, NTD phải chọn mẫu thử lớn để biết chắc về chất lượng hàng hoá
- Mức độ thường xuyên mua sắm: mua sắm thường xuyên giúp NTD thành thạo hơn, chi phí thẩm định giảm, chọn được mẫu thử lớn hơn

*Kết luận: nếu chi phí thẩm định nhỏ so với giá mua dự kiến và các cặp giá và chất lượng đồng nhất hoặc mức độ thường xuyên mua sắm lớn so với sự biến thiên về chất lượng thì TTKĐX sẽ không gây hậu quả nghiêm trọng và ngược lại*

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

- 2.4.2. Thông tin bất đối xứng và hiệu quả

TTBCX: sự *lựa chọn* *ngịch* & *mối hiểm nguy* *đạo đức*

VD: *Thị trường chứng khoán*

*Thị trường nhà đất*

*Dịch vụ Y tế (người bán có nhiều thông tin hơn người mua)*

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

### • 2.4.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

Những giải pháp của tư nhân:

- Xây dựng thương hiệu và quảng cáo: nhà sản xuất có thương hiệu nổi tiếng mong muốn giữ uy tín cho sản phẩm => cung cấp thông tin chính xác và hữu ích cho người mua => có được niềm tin của khách hàng
- Bảo hành sản phẩm (để tăng sự tin cậy của khách hàng): cam kết bồi thường một phần hoặc toàn bộ chi phí thay thế, sửa chữa hay hoàn lại tiền cho khách hàng
- Chứng nhận của bên thứ ba (kiểm toán, bảo hiểm, dịch vụ chứng nhận chất lượng)

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

- 2.4.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

Cung cấp thông tin bổ sung cho thị trường: cung cấp thông tin như cung cấp một HHCC (dự báo thời tiết, thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin về thị trường thế giới); chứng nhận chất lượng hàng hóa ...

Ban hành quy chế về cung cấp thông tin: quy định về nhãn mác hàng hóa; về thông tin liên quan đến các hàng hóa đặc biệt như thuốc chữa bệnh, thực phẩm, quy định về cung cấp thông tin đối với các công ty muốn niêm yết trên TTCK...

## 2.4. Thông tin bất đối xứng

- 2.4.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ

Đóng vai trò “bên thứ ba”: giám định chất lượng hàng hoá, cấp giấy chứng nhận, tư vấn tiêu dùng...

Bảo vệ người tiêu dùng: phát triển các hiệp hội, giải quyết tranh chấp thương mại giữa người mua và người bán...



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo

### Bất bình đẳng:

Bình đẳng (equality) là khi mọi người nhận được khoản thu nhập (hoặc sở hữu lượng tài sản) như nhau. (Malcom Gillis)

Bình đẳng theo định nghĩa này không bao giờ xảy ra trong thực tế nhưng nó là một tiêu chuẩn khách quan để dựa vào đó chúng ta đánh giá thực trạng phân phối của một quốc gia hay một xã hội

Bình đẳng là một khái niệm khách quan

Khi không có bình đẳng thì tồn tại bất bình đẳng (inequality) ở một mức độ nào đó



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### ● 2.5.1. Khái niệm và thước đo

So sánh bình đẳng (equality) & công bằng (equity)

Trong kinh tế học, công bằng là một khái niệm mang tính chuẩn tắc và thuộc về đạo lý. Công bằng là khi mỗi người và mọi người nhận được mức thu nhập (hay hưởng thành quả kinh tế) xứng đáng với khả năng, nỗ lực, trình độ học vấn và sự sẵn sàng chịu rủi ro của mình (Malcolm Gillis)

Công bằng là một khái niệm mang tính chủ quan: thay đổi theo không gian và thời gian

Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về công bằng nhưng mọi cách hiểu đều ngụ ý sự công nhận rằng nên tồn tại một mức độ bất bình đẳng nhất định

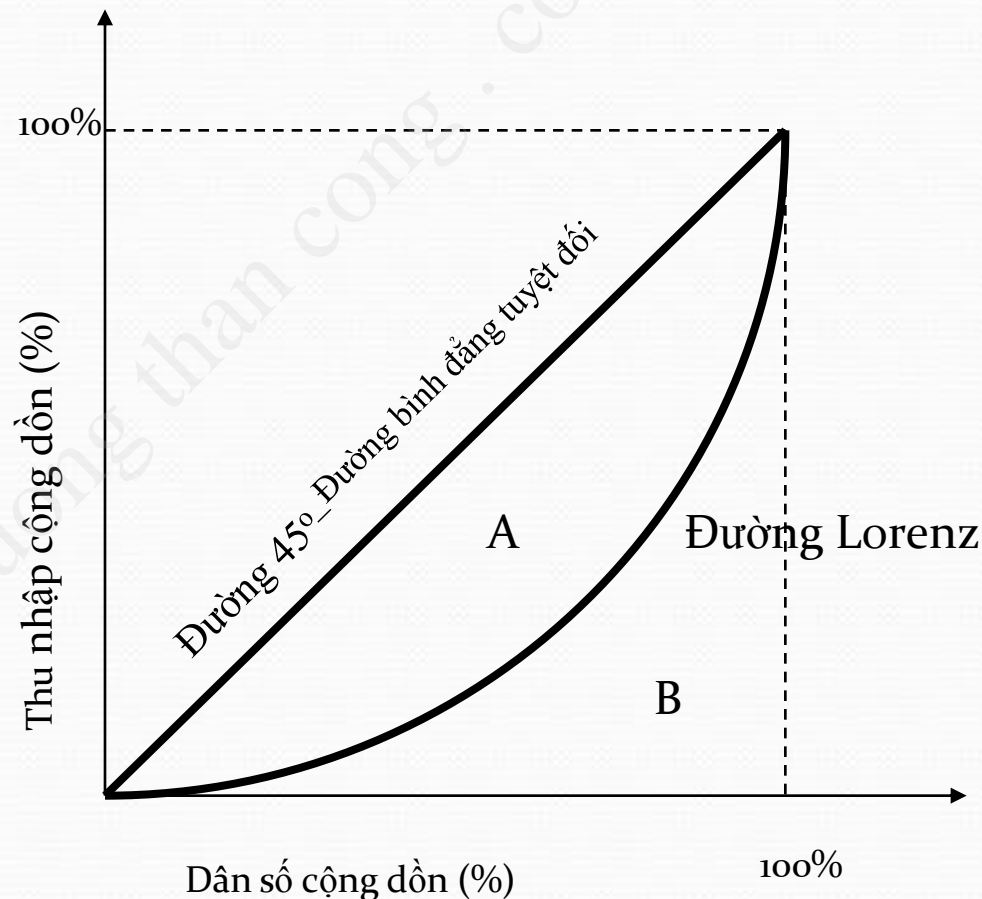
## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### Đường Lorenz

Do nhà thống kê người Mỹ- C. Lorenz xây dựng năm 1905

Đường Lorenz biểu thị mối quan hệ giữa nhóm dân số xếp theo thu nhập từ thấp đến cao cộng dồn và tỷ lệ thu nhập tương ứng của họ



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### ● 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### **Đường Lorenz**

Đường Lorenz luôn nằm dưới đường  $45^0$ .

Đường Lorenz càng xa đường  $45^0$  thể hiện mức độ bất bình đẳng càng lớn.

Hạn chế của đường Lorenz: Chưa lượng hóa và so sánh được mức độ bất bình đẳng khi hai đường Lorenz cắt nhau

→ Để khắc phục, người ta dùng hệ số Gini

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo

### **Hệ số Gini**

Hệ số Gini được vào ứng dụng năm 1912 và được tính dựa trên đường Lorenz.

Cách tính hệ số Gini:  $G = D_{\text{tích A}} / (D_{\text{tích A}} + D_{\text{tích B}})$

Giá trị của hệ số Gini:  $0 \leq G \leq 1$

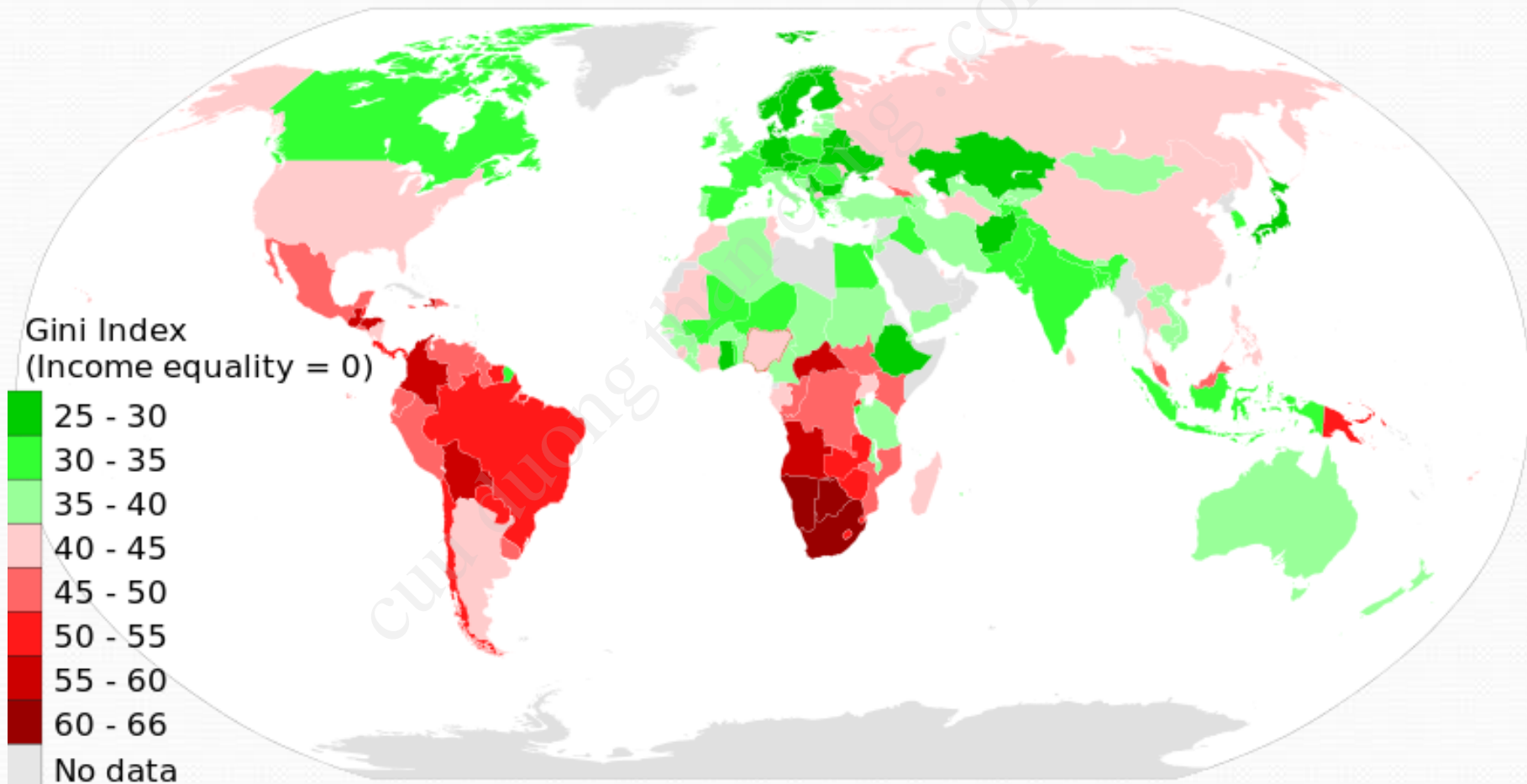
Tuy nhiên, WB tổng kết là Gini trong thực tế là  $0,2 < \text{Gini} < 0,6$ .

Gini càng lớn: mức độ bất bình đẳng càng cao. Nước có thu nhập thấp: 0,3- 0,5; nước có thu nhập cao: 0,2-0,4.

Hạn chế: Chưa thể hiện được sự so sánh giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất trong một quốc gia.

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### Bản đồ hệ số Gini trên thế giới năm 2008



- Nguồn: Số liệu Ngân hàng thế giới, 2014



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

Nhóm ngũ vị phân: tỷ lệ thu nhập của các nhóm dân số trong tổng thu nhập quốc gia

World GINI index and quintile

- Nguồn: Số liệu Ngân hàng thế giới, 2014

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập từ tài sản
  1. Do được thừa kế tài sản
  2. Do hành vi tiêu dùng và tiết kiệm
  3. Do kết quả kinh doanh
- Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập từ lao động
  1. Do khác nhau về khả năng và kỹ năng lao động
  2. Do khác nhau về cường độ làm việc
  3. Do khác nhau về nghề nghiệp và tính chất công việc
  4. Do một số nguyên nhân khác

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo

### **Ngheo đói**

Khái niệm chung: Ngheo là tình trạng thiếu thốn trên nhiều phương diện như: thu nhập hạn chế, thiếu cơ hội tạo ra thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng, dễ bị tổn thương trước những đột biến, ít được tham gia vào các quá trình ra quyết định...

→ vì ngheo khổ được đánh giá trên nhiều phương diện nên việc gộp tất cả các khía cạnh đó trong một chỉ số là không thể.

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### **Nghèo đói**

Ba trường phái/quan điểm về đói nghèo:

- Trường phái phúc lợi: đói nghèo là hiện tượng mà một hay nhiều cá nhân trong xã hội không đạt được mức phúc lợi KT (hay thu nhập) tối thiểu để đảm bảo cuộc sống ở mức thấp nhất theo tiêu chuẩn của XH
- Trường phái (dựa vào) nhu cầu cơ bản: độ thỏa dụng của các cá nhân còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố ngoài thu nhập.  
=> không được tiếp cận với những HH&DV cơ bản nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### **Nghèo đói**

Ba trường phái/quan điểm về đói nghèo:

- Trường phái (dựa vào) năng lực (A. Sen\_Development as Freedom): không có điều kiện để phát huy năng lực thực hiện các chức năng cần thiết của mình.

=> Chi phối cách thức/biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan tới nghèo đói.



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo

Các định nghĩa khác: *Định nghĩa nghèo khổ của WB*

Định nghĩa nghèo khổ tại Hội nghị chống đói nghèo của ESCAP, BKK (9/1993)

Bạn hiểu đói nghèo là gì?

What is Poverty?

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### **Nghèo đói**

- Ngưỡng nghèo (poverty line): là mức giới hạn mà cá nhân hay hộ gia đình có thu nhập hoặc chi tiêu nằm dưới mức đó sẽ bị coi là nghèo (VD: nghèo thu nhập, nghèo chi tiêu, nghèo lương thực thực phẩm...)
- Ngưỡng nghèo tuyệt đối (absolute poverty): là chuẩn tuyệt đối về mức sống được coi là tối thiểu cần thiết để cá nhân hoặc hộ gia đình có thể tồn tại khỏe mạnh
- Ngưỡng nghèo tương đối (relative poverty): được xác định theo phân phối thu nhập hoặc tiêu dùng chung trong cả nước để phản ánh tình trạng của một bộ phận dân cư sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo

### **Nghèo đói**

Chỉ số đếm đầu người (HC) → số người nghèo

Tỷ lệ đếm đầu người (HCR) → tỷ lệ người nghèo

Khoảng cách nghèo (Poverty Gap) → mức độ trầm trọng của tình trạng nghèo đói trong một quốc gia

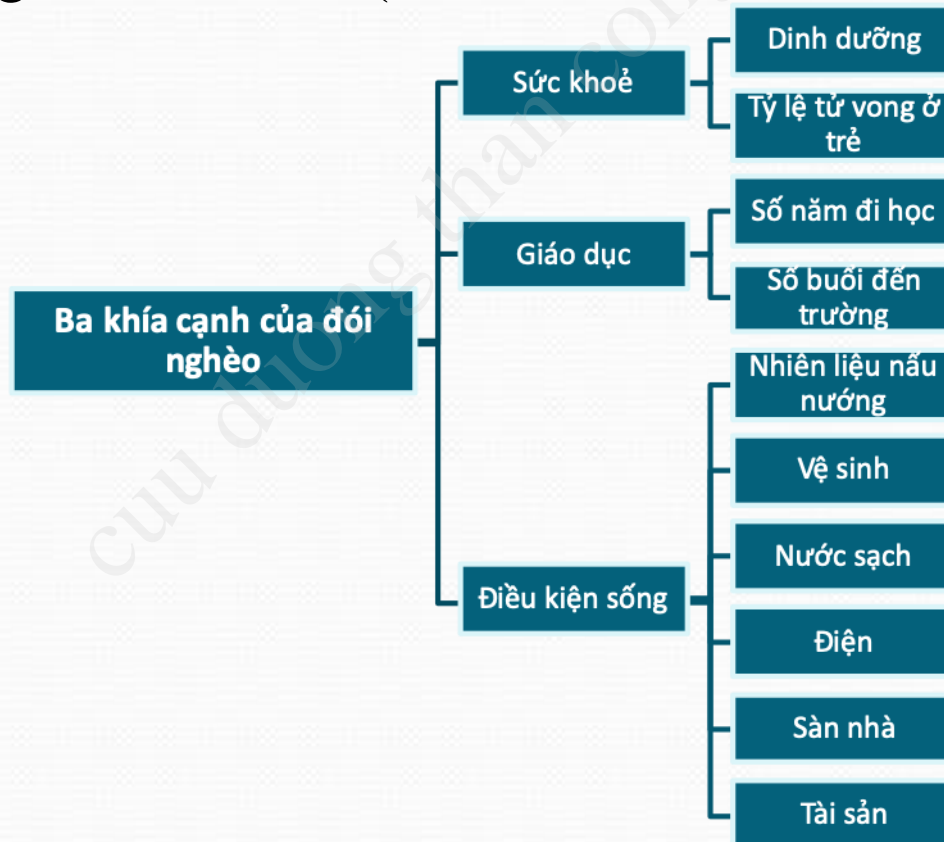
[How is poverty measured.mp4](#)

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

Chỉ số đói nghèo tổng hợp: HPI và MPI

- Chỉ số đói nghèo toàn cầu (Multi-dimensional Poverty Index)



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

**Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020**

#### **1. Tiêu chí về thu nhập:**

- - Chuẩn mức sống tối thiểu: từ 1.3 triệu đồng/người/tháng trở xuống ở thành thị và 1 triệu đồng/người/ tháng tại nông thôn.
- - Chuẩn nghèo chính sách: từ 1 triệu đồng/người/tháng trở xuống tại thành thị và 800.000 đồng/người/ tháng tại nông thôn.
- - Chuẩn mức sống trung bình: từ 1.95 triệu đồng/người/tháng trở xuống và 1.5 triệu đồng/người/tháng ở nông thôn.



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

**Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020**

### **2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:**

- Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.
- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt bao gồm: trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Ngưỡng thiếu hụt đa chiều đối với một hộ gia đình là từ 1/3 tổng điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### • 2.5.1. Khái niệm và thước đo

#### **Mức chuẩn nghèo mới của Việt Nam giai đoạn 2016-2020**

Dựa vào 2 tiêu chí trên để xác định mức chuẩn nghèo:

- **Hộ nghèo:** là hộ đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau:

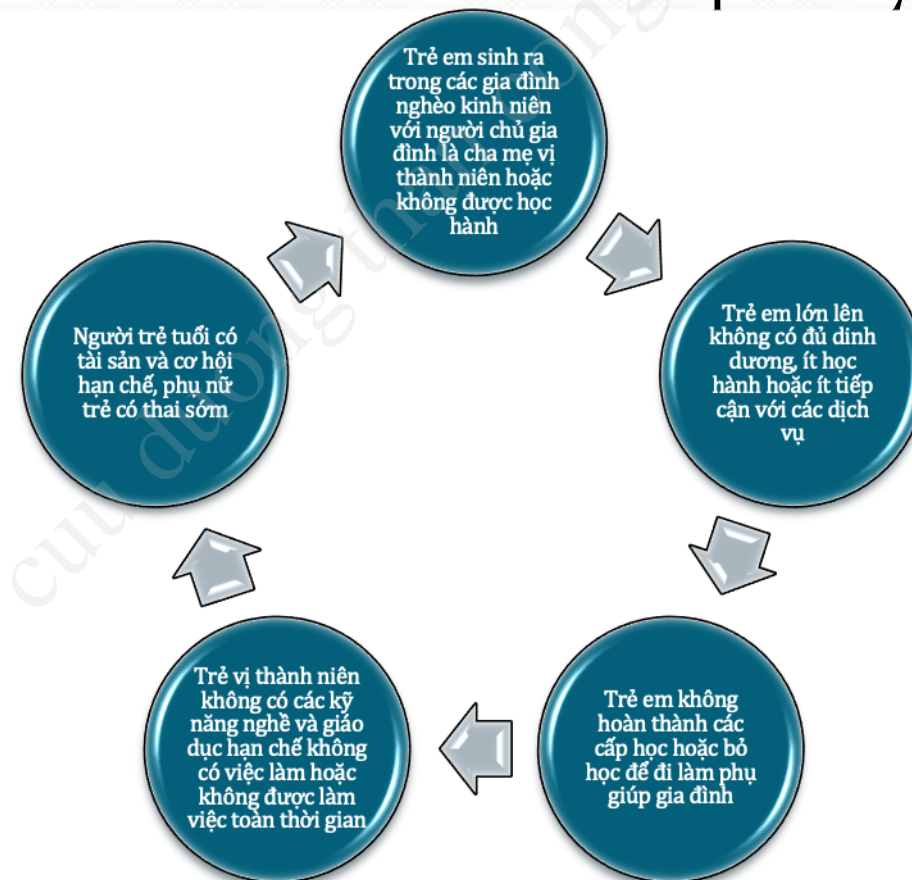
+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ chuẩn nghèo chính sách trở xuống.

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách đến chuẩn mức sống tối thiểu và từ 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- **Hộ cận nghèo:** là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách đến chuẩn mức sống tối thiểu, và dưới 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

- 2.5.1. Khái niệm và thước đo
- Vòng luân chuyển đói nghèo truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác Intergenerational transmission of poverty



## 2.5. Bất bình đẳng thu nhập và đói nghèo

### 2.5.3. Giải pháp can thiệp của chính phủ (hiệu ứng thu nhập/thay thế)

- Giải pháp sẽ phụ thuộc vào cách nhìn nhận (định nghĩa) đói nghèo và phương pháp đo lường.
- Một số giải pháp can thiệp:
  - Phân phối lại: thuế thu nhập/tài sản lũy tiến;
  - Mở rộng cơ hội cho người nghèo
  - Tăng cường quyền lực cho người nghèo
  - Hệ thống an sinh xã hội

# Bài tập 4:

Nước X có mười (10) nhóm dân với thu nhập/năm (đơn vị tính: nghìn \$) như sau: 10, 12, 7, 16, 14, 5, 3, 1, 4, 2.

- a) Tính phần trăm thu nhập theo Ngũ vị phân (5 nhóm thu nhập: Quintile 1, 2, 3, 4, 5) Tính hệ số GINI. Ghi chú: ***làm tròn số đến 3 chữ số thập phân***
- b) Nếu lấy ngưỡng nghèo là 5 nghìn \$/năm, Chính phủ đánh thuế vào nhóm có thu nhập từ 7 nghìn\$/năm với mức 2 nghìn\$/năm. Mức thuế này có đủ trợ cấp cho các nhóm thu nhập dưới ngưỡng nghèo tại xã hội nước X hay không?
- c) Tính phần trăm thu nhập sau thuế và trợ cấp theo Ngũ vị phân (5 nhóm thu nhập: Quintile 1, 2, 3, 4, 5). Ghi chú: ***làm tròn số đến 2 chữ số thập phân***
- d) Tính hệ số GINI sau thuế và trợ cấp. Ghi chú: ***làm tròn số đến 3 chữ số thập phân.***



## 2.6. Chu kỳ kinh tế

- 2.6.1. Chu kỳ kinh tế và vai trò chính phủ

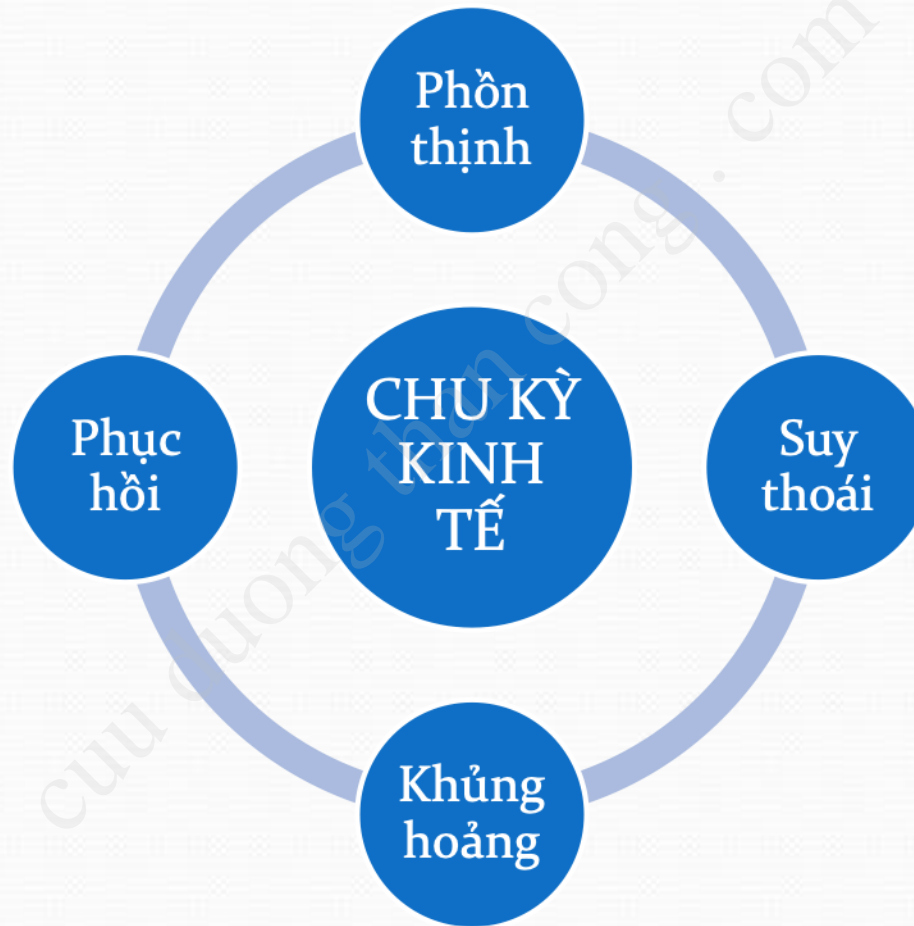
Bất ổn kinh tế vĩ mô: Sự dao động thất thường của tổng sản lượng so với tổng sản lượng tiềm năng kéo theo sự lên xuống thất thường của tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp

Nền kinh tế thị trường vận động theo chu kỳ: Phồn thịnh – suy thoái – khủng hoảng – phục hồi – phồn thịnh – suy thoái...

Thời kỳ suy thoái – khủng hoảng: sản lượng thấp hơn tiềm năng, thất nghiệp cao, hàng hóa ế ẩm, lạm phát thường thấp

Thời kỳ phồn thịnh: sản lượng cao hơn sản lượng tiềm năng, lạm phát thấp, nguy cơ ỉ cao.

# BẤT ỔN VĨ MÔ



See: [How The Economic Machine Works by Ray Dalio.mp4](#)

## 2.6. Chu kỳ kinh tế

- 2.6.2. Giải pháp can thiệp của chính phủ (tự nghiên cứu)

Ổn định hóa vĩ mô và tạo môi trường cho tăng trưởng dài hạn: chính sách ổn định hóa và chính sách kk tăng trưởng (xem Kinh tế học vĩ mô/ kinh tế học phát triển).

# THẤT BẠI CỦA NHÀ NƯỚC (tự nghiên cứu)

- Thất bại của nhà nước: thất bại trong việc đạt được các mục tiêu cải thiện hiệu quả hay mục tiêu mong muốn khác thông qua các hoạt động can thiệp của NN.
- Các lý do có thể dẫn đến thất bại NN:
  - + Tính đa mục tiêu và sự xung đột giữa chúng: lựa chọn mục tiêu ưu tiên sai; chi phí đánh đổi lớn.
  - + Hạn chế thông tin
  - + Hạn chế trong việc kiểm soát phản ứng của NSX và NTD.
  - + Tính quan liêu của bộ máy nhà nước
  - + Hạn chế do các quá trình chính trị áp đặt
- Hiệu quả can thiệp phụ thuộc vào năng lực của nhà nước
- => Can thiệp của NN cần phù hợp với năng lực

# Kiểm tra giữa kỳ

- Câu 1: Hãy nêu định nghĩa và một số ví dụ về Ngoại ứng.  
(4đ)
- Câu 2: (6 điểm)

Hoạt động trồng rừng của 1 lâm trường có hàm chi phí cận biên  $MC=25+Q$ , hàm lợi ích cận biên cá nhân là  $MPB=45-3Q$ . Hoạt động trồng rừng mang lại lợi ích cho XH và người ra xác định được hàm lợi ích cận biên  $MSB=85-5Q$ . (Q là diện tích rừng tính bằng ha, P là mức giá tính bằng 1.000USD/ha)

- a) Biểu diễn bài toán bằng đồ thị.
- b) Xác định diện tích và giá trồng rừng tối ưu cá nhân và tối ưu XH.
- c) Xác định tổng thất PLXH do trồng rừng dưới mức tối ưu XH.
- d) Nếu muốn lâm trường trồng ở mức tối ưu XH thì chính phủ cần phải làm gì? CP phải bỏ ra hoặc thu về bao nhiêu để giải quyết vấn đề này?



# Kiểm tra giữa kỳ (Đề 2)

- Câu 1: Hãy nêu định nghĩa và một số ví dụ về Hàng hóa công cộng. (4đ)
- Câu 2: (6 đ) Một nhà độc quyền có đường cầu là  $Q=30 - 2.5P$  và chi phí biên là  $Mc= 1.2Q + 4$ . Trong đó  $Q$  tính bằng triệu sp,  $P$  tính bằng \$/sp.
  - a. Xác định mức slg và mức giá, doanh thu doanh nghiệp trong TH cạnh tranh hoàn hảo
  - b. Tổn thất PLXH là bao nhiêu khi độc quyền xảy ra.
  - c. Theo anh (chị), CP cần làm gì để hạn chế độc quyền?

# Kiểm tra giữa kỳ

- Câu 1: (5 đ) Một nhà độc quyền có đường cầu là  $Q=30 - 2.5P$  và chi phí biên là  $MC= 1.2Q + 4$ . Trong đó  $Q$  tính bằng triệu sp,  $P$  tính bằng \$/sp.
  - a. Xác định mức slg và mức giá, doanh thu doanh nghiệp trong TH cạnh tranh hoàn hảo (2đ)
  - b. Tổn thất PLXH là bao nhiêu khi độc quyền xảy ra. (2đ)
  - c. Theo anh (chị), CP cần làm gì để hạn chế độc quyền? (1đ)
- Câu 2: (5 đ)

Hoạt động trồng rừng của 1 lâm trường có hàm chi phí cận biên  $MC=25+Q$ , hàm lợi ích cận biên cá nhân là  $MPB=45-3Q$ . Hoạt động trồng rừng mang lại lợi ích cho XH và người ra xác định được hàm lợi ích cận biên  $MSB=85-5Q$ . ( $Q$  là diện tích rừng tính bằng ha,  $P$  là mức giá tính bằng 1.000USD/ha)

- a. Biểu diễn bài toán bằng đồ thị. (1)
- b. Xác định diện tích và giá trồng rừng tối ưu cá nhân và tối ưu XH. (2đ)
- c. Xác định tổng thất PLXH do trồng rừng dưới mức tối ưu XH. (1đ)
- d. Nếu muốn lâm trường trồng ở mức tối ưu XH thì chính phủ cần phải làm gì? CP phải bỏ ra hoặc thu về bao nhiêu để giải quyết vấn đề này? (1đ)